

Số: 97./TB-DWC

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc điều chỉnh giá bán nước sạch của
Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk

Kính gửi: Quý khách hàng sử dụng nước.

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND, ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định giá bán nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-DWC ngày 13/3/2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk về việc quy định giá bán nước sạch cho các mục đích sử dụng ngoài sinh hoạt.

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk Thông báo đến Quý khách hàng: Từ 01/4/2023 Công ty điều chỉnh giá bán nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cụ thể:

1. Tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (bao gồm các phường, xã):

TT	Nhóm khách hàng	Ký hiệu	Giá bán theo lộ trình từ năm 2023 đến 2025 (đ/m ³)		
			2023	2024	2025
	Năm				
1	Hộ nghèo, hộ cận nghèo	SH	7.400	7.400	7.400
2	Hộ dân cư	SH	10.710	12.600	14.900
3	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập); phục vụ mục đích công cộng	HCSN	12.900	15.100	16.500
4	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	SX	16.100	16.900	16.900
5	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	DV	17.140	17.140	17.140

2. Tại địa bàn thị xã Buôn Hồ (bao gồm cả trung tâm xã Pong Đrang huyện Krông Buk) và các huyện: Krông Pắc, Ea Kar, Cư Mgar, Krông Năng, Krông Ana:

TT	Nhóm khách hàng	Ký hiệu	Giá bán theo lộ trình từ năm 2023 đến 2025 (đ/m ³)		
			2023	2024	2025
	Năm				
1	Hộ nghèo, hộ cận nghèo	SH	6.800	6.800	6.800
2	Hộ dân cư	SH	9.350	11.000	13.000
3	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập); phục vụ mục đích công cộng	HCSN	11.600	13.600	13.900
4	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	SX	13.900	14.200	14.200
5	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	DV	14.280	14.280	14.280

3. Tại địa bàn huyện Ea Súp, huyện Buôn Đôn và các xã: Ea Na, Dray Sáp thuộc huyện Krông Ana:

TT	Nhóm khách hàng	Ký hiệu	Giá bán theo lộ trình từ năm 2023 đến 2025 (đ/m ³)		
			2023	2024	2025
1	Hộ nghèo, hộ cận nghèo	SH	6.100	6.100	6.100
2	Hộ dân cư	SH	8.400	9.900	10.470
3	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập); phục vụ mục đích công cộng	HCSN	10.470	10.470	10.470
4	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	SX	10.470	10.470	10.470
5	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	DV	10.470	10.470	10.470

4. Giá nước trên chưa bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường, tiền dịch vụ môi trường rừng.

5. Lộ trình điều chỉnh giá bán: Giá bán theo lộ trình được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 của năm; riêng năm 2023 thực hiện kể từ ngày 01/4/2023 và kết thúc đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

6. Điều kiện áp dụng giá nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo: Phải có giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật. Thời điểm được áp dụng: Kỳ cước tiếp theo kể từ khi khách hàng cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định.

7. Thời điểm áp dụng: Từ kỳ cước 4/2023.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý khách hàng.
Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Đăng trên website của Công ty;
- Công bố trên thông tin Báo Đắk Lắk (2 kỳ);
- Thông báo truyền hình Đắk Lắk (2 kỳ);
- Lưu: VT.



Nguyễn Khắc Dân